TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/05/2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Toàn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Bùi Anh Đức**.
- Ông **Huỳnh Văn Hiệp**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Hoàng Bửu**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: ông **Đặng Văn Tài**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2024/TLST-HNGĐ ngày 06/02/2024. Về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 04 năm 2024 và quyết định hoãn phiên toà số 65/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 05 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Đ,** sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Lê Văn B**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 30/01/2024, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Võ Thị Đ trình bày: Bà Võ Thị Đ và ông Lê Văn B xây dựng hôn nhân vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau tại ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Trong

quá trình chung sống bà Võ Thị Đ và ông Lê Văn B có 02 người con chung là cháu Lê Thị Trúc N, sinh ngày 14/08/2008 và cháu Lê Quốc B1, sinh ngày 04/07/2012. Năm 2022 đến nay vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Ngày 24/01/2024, ông Lê Văn B đã dùng cây đánh bà và cháu N làm sưng tay, chân nên bà cùng 02 con về nhà cha mẹ ruột. Hiện nay cháu Lê Thị Trúc N đang sống chung với bà và cháu Lê Quốc B1 đang sống chung với ông B.

Trong thời gian chung sống vào năm 2022 đến nay giữa bà Võ Thị Đ và ông Lê Văn B phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và đã ly thân, bà cùng 02 con về nhà cha mẹ ruột. Hiện nay cháu Lê Thị Trúc N đang sống chung với bà và cháu Lê Quốc B1 đang sống chung với ông B. Bà Đ xác định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn B.

Về con chung: Bà Võ Thị Đ và ông Lê Văn B có hai con chung tên là cháu Lê Thị Trúc N, sinh ngày 14/08/2008 và cháu Lê Quốc B1, sinh ngày 04/07/2012. Bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Lê Văn B cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Lê Văn B*:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Lê Văn B theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Lê Văn B không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Kể từ khi thụ lý đến thời điểm nghị án, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Võ Thị Đ được ly hôn với ông Lê Văn B. Về con chung: Giao cho bà Võ Thị Đ được trực tiếp nuôi con chung tên cháu Lê Quốc B1, sinh ngày

04/07/2012, và giao Lê Thị Trúc N, sinh ngày 14/08/2008 cho ông Lê Văn B được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Văn B, bà Võ Thị Đ không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của nguyên đơn Võ Thị Đ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, bà Võ Thị Đ yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn B. Quan hệ pháp luật nêu trên được điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Võ Thị Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn Lê Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/01/2009 theo đúng quy định. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn Võ Thị Đ có kết hôn với bị đơn Lê Văn B là sự thật, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, giữa bà Võ Thị Đ và ông Lê Văn B đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó thì bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã làm cho tình cảm không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến bà Võ Thị Đ và ông Lê Văn B không còn tiếp tục sống chung với nhau.

Nguyên đơn kiên quyết yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Xét thấy, trong quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện không còn sống chung với nhau, cuộc sống vợ chồng không còn thương

yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó chứng tỏ rằng tình yêu giữa vợ chồng không còn nữa, mặc dù đang tồn tại quan hệ hôn nhân nhưng giữa bà Võ Thị Đ và ông Lê Văn B không còn tình nghĩa vợ chồng. Những biểu hiện trên cho thấy, nguyên đơn và bị đơn không thể sống chung để cùng nhau xây dựng được gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn bà Võ Thị Đ và bị đơn ông Lê Văn B thật sự trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích nhận định như trên, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Võ Thị Đ đối với bị đơn ông Lê Văn B là có cơ sở chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho bà Võ Thị Đ được ly hôn với ông Lê Văn B.

[3] Về con chung: Bà Võ Thị Đ và ông Lê Văn B có hai con chung tên Lê Thị Trúc N, sinh ngày 14/08/2008 hiện đang sống chung với ông B và cháu Lê Quốc B1, sinh ngày 04/07/2012 hiện đang ở với Bà Võ Thị Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị Đ đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn khởi kiện bà Võ Thị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy cháu Lê Thị Trúc N, sinh ngày 14/08/2008 và cháu Lê Quốc B1, sinh ngày 04/07/2012 đến thời điểm xét xử đã trên 7 tuổi nên có quyền thể hiện nguyện vọng của mình được sống với cha hoặc mẹ khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ vào lời khai của Lê Thị Trúc N, và cháu Lê Quốc B1 thì cháu N có nguyện vọng được sống với cha là ông Lê Văn B còn cháu B1 có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Võ Thị Đ. Nhận thấy nguyện vọng của cháu Lê Thị Trúc N và cháu Lê Quốc B1 được thể hiện một cách tự nguyện không ai ép buộc. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị Đ cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, còn ông Lê Văn B không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo cho cuộc sống của cháu Lê Thị Trúc N và cháu Lê Quốc B1 được ổn định, phát triển tốt về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình để giao cháu Lê Quốc B1 cho bà Võ Thị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Lê Thị Trúc N cho ông Lê Văn B được tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Võ Thị Đ và ông Lê Văn B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Võ Thị Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Võ Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã nêu là có căn cứ phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm c Khoản 1 Điều 92, Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Đ.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Đ được ly hôn với ông Lê Văn B.

2/ Về con chung: Giao cho bà Võ Thị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Quốc B1, sinh ngày 04/07/2012. Giao cho ông Lê Văn B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Trúc N, sinh ngày 14/08/2008, ông Lê Văn B bà Võ Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian bà Võ Thị Đ và ông Lê Văn B nuôi con, không ai có quyền cản trở sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Đ và ông Lê Văn B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nguyên đơn Võ Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000218 ngày 31/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, bà Võ Thị Đ đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Toàn

Nơi nhận
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
-THADS huyện Mỹ Xuyên
- UBND xã Thạnh Phú
- Lưu hồ sơ vụ án.